

Số: *178* /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *09* tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt danh mục địa điểm đầu tư cửa hàng xăng dầu
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Công văn số 775/SCT-TM ngày 29 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục địa điểm đầu tư cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức thẩm định công trình cửa hàng xăng dầu theo quy định về phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

c) Hàng năm, tổng hợp nhu cầu, những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định; báo cáo, đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành

phổ công bố danh mục địa điểm đầu tư cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh để thu hút, kêu gọi đầu tư.

b) Tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ đăng ký đầu tư theo danh mục đã được phê duyệt; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan:

a) Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch có liên quan theo thẩm quyền.

b) Tham mưu quản lý về sử dụng đất, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và các lĩnh vực có liên quan theo thẩm quyền được giao.

c) Phối hợp với Sở Công Thương rà soát, đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục đảm bảo phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *b*

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Phạm Văn Hậu;
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, KTTH. Nam

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu
Phạm Văn Hậu

Phụ lục

DANH MỤC ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ CỦA HÀNG XĂNG DẦU TỈNH NINH THUẬN



(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Địa điểm	Quy mô cửa hàng	
		Diện tích	Dung tích
(1)	(2)	(3)	
1	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	960m ²	<101m ³
1.1	Đường Phan Đăng Lưu, tọa độ: A (575173.5388; 1283704.8819), B (575196.5391; 1283701.455), C (575191.3076; 1283661.7061), D (575166.8163; 1283665.5646), TP. Phan Rang - Tháp Chàm	960m ²	<101m ³
2	Huyện Ninh Hải	14.169m ²	<505m ³
2.1	TL 702, thửa đất số 406 tờ bản đồ số 33, tọa độ: A (1282390.96, 587054.419), B (1282412.868, 587089.971), C (1282386.860, 587106.840), D (1282364.320, 587078.460) thôn Tân An, xã Tri Hải	1.200m ²	<101m ³
2.2	TL702 thửa đất số 31, 38, 39, tờ bản đồ số 33, tọa độ: A (1283869.57; 597472.830), B (1283816.2; 597459.21), C (1283824.44; 597414.24), D (1283879.92; 597424.8), thôn Mỹ Hòa, xã Vĩnh Hải	2.660m ²	<101m ³
2.3	TL 702, tọa độ: A (1288047.11, 599175.34), B (1288027.29, 599273.90), C (1287961.64, 599230.09), D (1287966.16, 599193.04), xã Vĩnh Hải	5.094m ²	<101m ³
2.4	Đường Bình Nghĩa đi Mỹ Tân, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 12, Tọa độ: A (591694.770, 1284184.560), B (591741.080, 1284146.360), C (591689.010, 1284099.060), D (591674.920, 1284106.740), E (591741.080, 1284146.360), F (591652.340, 1284147.820), G (591669.600, 1284101.960), thôn Khánh Nhơn, xã Nhơn Hải	4.157m ²	<101m ³
3	Huyện Ninh Phước	6.011m ²	<303m ³
3.1	TL710 , tọa độ: A (579093.4; 1275629.1), B (579153.3; 1275613.3), C (579149.7; 1275595.1), D (579082.6; 1275611.3), xã Phước Hải	1.269m ²	<101m ³
4	Huyện Ninh Sơn	1.798,9m ²	<101m ³
4.1	TL 707, thửa đất số 118, 119 tờ bản đồ số 94, tọa độ: A (558399.02; 1305816.38), B (558409.41; 1305835.49), C (558422.73; 1305828.66), D (558450.39; 1305812.36), E (558446.02; 1305802.38), F (558441.11; 1305793.99), G (558437.74; 1305794.8) thôn Tân Lập 2, xã Lương Sơn	1.045m ²	<101m ³
5	Huyện Thuận Bắc	15.295m ²	<303m ³
5.1	Tại km 1535+500 (bên phải tuyến) QL 1A, xã Lợi Hải	7.633m ²	<101m ³
5.2	QL 1A, tại km 1543 + 800, tờ bản đồ số 27, bao gồm 03 thửa: số 585,583 và 659, xã Bắc Phong	5.093m ²	<101m ³
5.3	Tại km 01+200, TL706, tờ bản đồ số 17, thửa số 701, xã Công Hải	2.569m ²	<101m ³

(Handwritten signature)

STT	Địa điểm	Quy mô cửa hàng	
		Diện tích	Dung tích
(1)	(2)	(3)	
6	Huyện Thuận Nam	8.185,6m ²	<404m ³
6.1	Km 1578+800 QL1A, thửa đất số 268, 269 tờ bản đồ số 23, thôn Quán Thè 2, xã Phước Minh	2.885,6m ²	<101m ³
6.2	Tọa độ: A (1270703, 574246), B (1270723, 574260), C (1270701, 574293), D (1270680, 574279), Thôn Phước Lập, xã Phước Nam	1.000m ²	<101m ³
6.3	QL1A, Tọa độ: A (1254793, 568264), B (1254756, 568319), C (1254716, 568320), D (1254713, 568260), thôn Lạc Sơn 2, xã Cà Ná	2.300m ²	<101m ³
6.4	TL701, Tọa độ: A (581922.17; 1266240.93), B (581911.18; 1266192.15), C (581872.16; 1266200.95), D (581884.00; 1266252.86), xã Phước Dinh	2.000m ²	<101m ³
7	Huyện Bác Ái	2.932,6m ²	<202m ³
7.1	TL707, thửa đất số 57, 58, tờ bản đồ số 17, Tọa độ: A (1311186.38, 556683.16), B (1311193.85, 556641.25), C (1311238.28, 556638.55), D (1311237.76, 556651.61), E (1311227.66, 556659.37), F (1311229.49, 556679.89), thôn Chà Panh, xã Phước Hòa	1.733,6m ²	<101m ³
7.2	QL27B, tọa độ: A (559764, 13072540, B (559780, 1307217), C (559752, 1307206), D (559737, 1307243), xã Phước Tiến	1.199m ²	<101m ³

h2